

UNIT 8: WHAT CAN WE SEE IN A PARK?

Lesson 21: Project

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh củng cố kiến thức thông qua một dự án sáng tạo.
- Học sinh ôn lại kỹ năng đứng thẳng khi thuyết trình.
- Học sinh suy ngẫm về những gì trẻ đã học được.

II. Key vocabulary:



Tree
(Cây)



Flower
(Hoa)



Grass
(Cỏ)

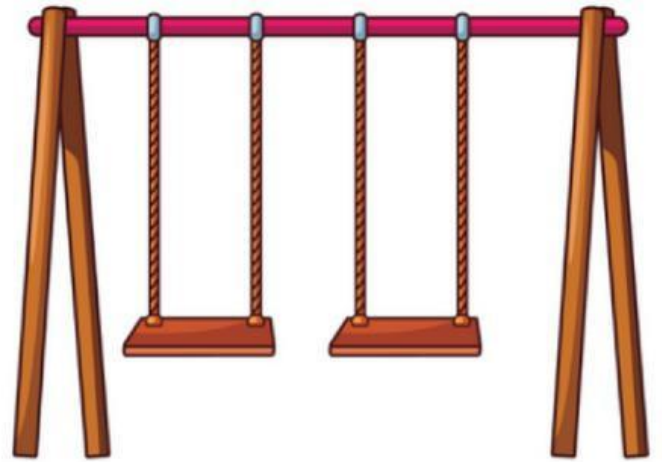


Bee
(Con ong)

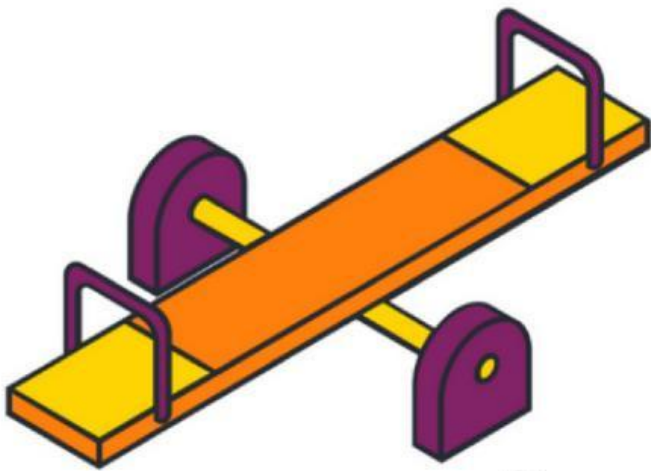




Slide
(Cầu trượt)



Swing
(Xích đu)



Seesaw
(Bập bênh)



Monkey bars
(Xà đơn)

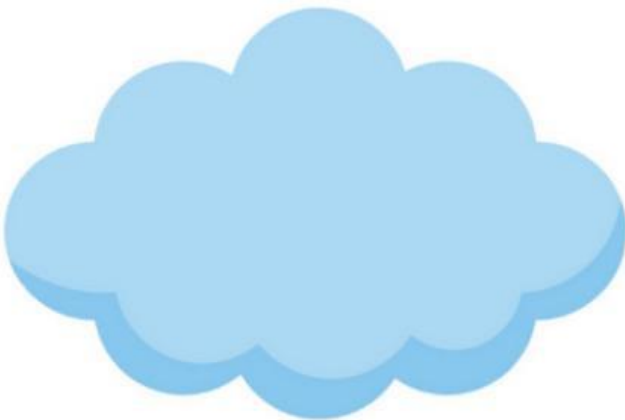




Sun
(Mặt Trời)



Sky
(Bầu trời)

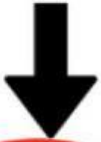


Cloud
(Mây)



Butterfly
(Con bướm)

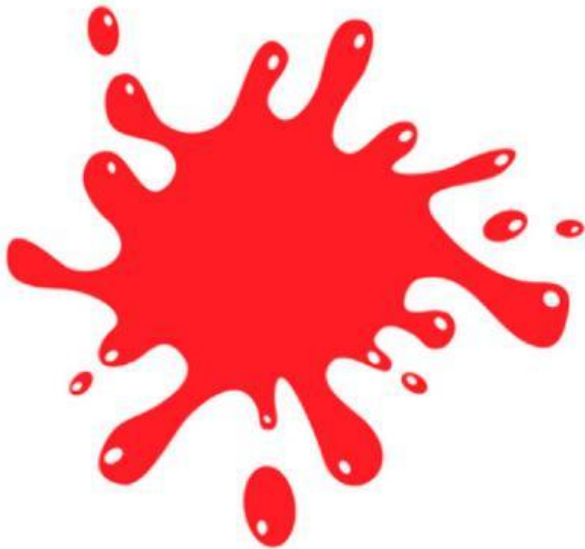




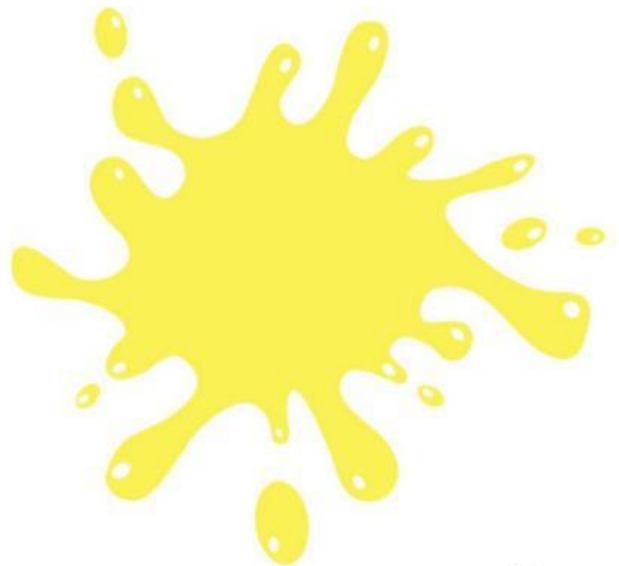
Big
(Lớn)



Small
(Nhỏ)

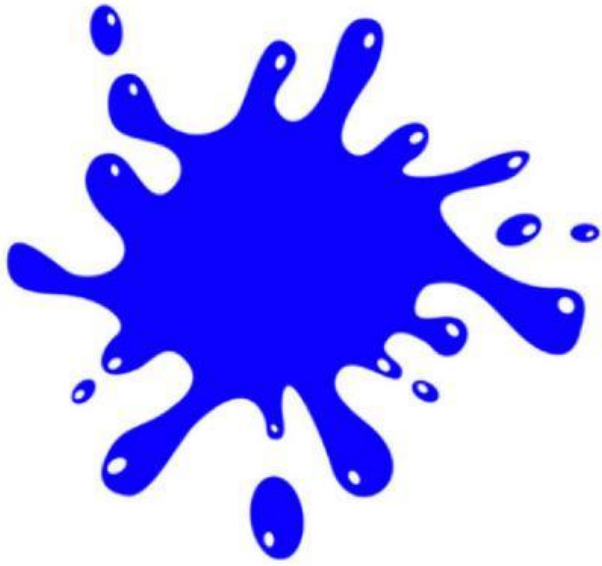


Red
(Màu đỏ)



Yellow
(Màu vàng)





Blue
(Màu xanh
dương)



Green
(Màu xanh
lá)



III. Key language:



What can you see at the park? I can see a (seesaw).



III. Key language:



Do you like to play on the swings?

Yes, I do. No, I don't.

